TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 21/2019/ ST - HNGĐ
Ngày: 21/11/2019
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà*:* Bà Phùng Thị Kim Nguyên.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm
Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày21/11/2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 229 /2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX ngày 30 tháng 10 năm 2019; quyết định hoãn phiên toà số 16/2019/QĐ - HPT ngày 15/11/2019 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Trường A, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Trường A kết hôn với nhau ngày 14/12/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng mẹ anh Tr tại khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Từ đó cho đến ngày 29/7/2019 thì chị T cùng hai con thuê nhà ở tại khu 7, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Còn anh Đỗ Trường A vẫn ở với mẹ đẻ tại khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Cuộc sống giữa chị T và anh T do ở chung với mẹ chồng nên phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng, con dâu, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau, không tôn trọng nhau. Mặc dù chị đã cố gắng nhưng không cải thiện được đời sống vợ chồng. Hai bên đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 29/7/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Đỗ Trường A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Thị Mai H, sinh ngày 28/9/2016 và Đỗ Thị Thu U, sinh ngày 08/4/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đỗ Trường A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Đỗ Trường A hiện đang đăng ký hộ khẩu và ở tại khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Trường A nhiều lần nhưng anh Đỗ Trường A lúc có mặt tại địa phương, lúc vắng mặt nên không tống đạt trực tiếp cho anh Đỗ Trường A được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ của anh A (vì hiện tại anh Đỗ Trường A sống cùng mẹ đẻ). Vào ngày 30/10/2019, Toà án cùng chính quyền địa phương cũng đã đến nhà anh A tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, anh A có mặt tại nhà. Sau khi trao đổi anh A có quan điểm như sau:

Về quan hôn nhân: Anh A đề nghị giải quyết theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thị Mai H, sinh ngày 28/9/2016 và Đỗ Thị Thu U, sinh ngày 08/4/2018. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với chị T. Nếu ly hôn, anh A cũng nhất trí để chị T trực tiếp hai con chung. Nếu chị T không nuôi được thì để anh nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Anh xác định vợ chồng không có.

Sau khi trình bày quan điểm như trên, anh A không ký vào biên bản làm việc mà đề nghị sẽ trực tiếp đến Toà án để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T theo quy định của pháp luật. Nhưng anh A vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh A được và cũng không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đ-ợc xem xét công bố tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường A. Bị đơn là anh Đỗ Trường A đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Trường A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường A kết hôn với nhau ngày 14/12/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tiến bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng theo chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ở chung với mẹ chồng, mẫu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu không thể điều hoà được. Điều đó đã ảnh hưởng tới quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Trường A, làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù hai bên đã cố gắng tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được. Hai bên đã sống ly thân từ ngày 29/7/2019 cho đến nay. Chị T đã thuê nhà ra ở riêng cùng hai con chung tại khu 7, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Kể từ thời điểm đó chị T và anh Anh không còn liên lạc với nhau để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến ai nữa. Đồng thời,Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung tại nơi cư trú của hai vợ chồng chị T, anh A xác định:

Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng: Anh A và chị T đã sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Từ khi sống ly thân đến nay hai bên không gặp nhau, anh A là lao động tự do, công việc, nơi làm việc không ổn định, thỉnh thoảng mới về địa phương, ý thức đoàn tụ, hàn gắn cải thiện tình cảm vợ chồng của chị T và anh A là không có. Như vậy, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T đề nghị ly hôn với anh A là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh A có 02 con chung là Đỗ Thị Mai H, sinh ngày 28/9/2016 và Đỗ Thị Thu U, sinh ngày 08/4/2018. Hiện nay, 02 con chung đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét ý kiến của chị T đề nghị được nuôi 02 con chung là chính đáng vì 02 con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục. Hơn nữa hai cháu lại là con gái, còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đồng thời, anh A là lao động tự do chỗ ở không ổn định. Bản thân anh cũng nhất trí sẽ giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng nếu chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, không ảnh hưởng đến tâm lý và học tập của con chung nên cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Trường A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với anh A mặc dù anh A không đến làm việc theo giấy triệu tập của Toà án nhưng tại biên bản làm việc ngày 30/10/2019 tại địa phương anh A cũng xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Trường A;

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thị Mai H, sinh ngày 28/9/2016 và Đỗ Thị Thu U, sinh ngày 08/4/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đỗ Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Anh Đỗ Trường A có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Đỗ Trường A;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Trường A.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đỗ Thị Mai H, sinh ngày 28/9/2016 và Đỗ Thị Thu U, sinh ngày 08/4/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Anh Đỗ Trường A có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/ 0002464 ngày 17/9/20169 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND huyện Lâm Thao;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã X;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phùng Thị Kim Nguyên

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đ-ợc xem xét công bố tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

Về pháp luật tố tụng dân sự: Chị Lò Vy Bích Thủy đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh Phạm Đình Quang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thủy, anh Quang là phù hợp với Khoản 1 - Điều 238 của BLTTDS.

Về pháp luật nội dung: Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" giữa chị Lò Vy Bích Thủy và anh Phạm Đình Quang.

Bằng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Chị Lò Vy Bích Thủy và anh Phạm Đình Quang kết hôn với nhau ngày 12/3/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, hai bên tự nguyện - Đây là cuộc hôn nhân tiến bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng theo chị Thủy thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm, tính cách sống không hợp nhau và vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, mặc dù hai bên đã cố gắng tự hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được đời sống chung vợ chồng nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay (chị Thủy ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, còn anh Quang ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ). Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và các quan hệ khác tại nơi cư trú của anh Quang xác định:

Đối với anh Phạm Đình Quang, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không tống đạt được vì hiện nay anh Quang lúc có mặt ở địa phương, lúc không có mặt ở địa phương, anh Quang là người nghiện ma túy sống lang thang nên việc tống đạt cho anh Quang các văn bản tố tụng của Tòa án rất khó khăn, không tống đạt được. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng: Anh Quang và chị Thủy đã sống ly thân từ nhiều năm nay chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Từ khi sống ly thân đến nay hai bên không gặp nhau, không trao đổi thông tin với nhau, anh Quang không có việc làm, sống lang thang còn chị Thủy lâu không ở địa phương làm ăn, sống chung với anh Quang. Nh- vậy ý thức đoàn tụ, hàn gắn cải thiện tình cảm vợ chồng của chị Thủy cũng nh- anh Quang là không có. Tr- ớc khi vợ chồng ly thân anh Quang, chị Thủy sống với nhau tại xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ thì cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nh- đánh chửi nhau. Do đó lời trình bày của chị Thủy phù hợp với pháp luật và thực tế tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay.

Với các lý do trên phải thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng giữa anh Quang, chị Thủy đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, cơ hội đoàn tụ, cải thiện đời sống chung của anh Quang, chị Thủy là không thể. Vì vậy, yêu cầu xin hôn của chị Thủy là có căn cứ, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình và thực tế cuộc sống chung của vợ chồng nên được chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị Lò Vy Bích Thủy đ- ợc ly hôn anh Phạm Đình Quang là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh Quang, chị Thủy có 02 con chung là Phạm Thảo Nguyên, sinh ngày 21/5/2012 và Phạm Bảo Nguyên, sinh ngày 21/5/2012 (hai con sinh đôi). Hiện nay, 02 con chung đang do chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập tại trường Mầm non xã Định An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Xét ý kiến của chị Thủy đề nghị được nuôi 02 con chung là chính đáng vì 02 con chung sinh đôi đều do chị Thủy chăm sóc, nuôi d- ỡng từ khi sinh, lại là con gái, còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hiện các con chung đang học tập ổn định tại trường Mầm non xã Định An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Mặt khác, anh Quang là người

sống lang thang, không sống ổn định ở một nơi và không có việc làm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, không ảnh hưởng đến tâm lý và học tập của con chung nên cần giao con chung cho chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: chị Thủy không yêu cầu anh Quang phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị - Đây là quyền của chị Thủy nên anh Quang không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thủy là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp bên vợ hoặc bên chồng: chị Thủy xác định không có nên không đặt ra giải quyết đối với chị Thủy là phù hợp. Đối với anh Quang do không tiến hành lấy lời khai được nên nếu có tranh chấp giữa anh Quang với chị Thủy thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thủy phải chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lò Vy Bích Thủy được ly hôn anh Phạm Đình Quang.

- □p dụng: Điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình giao hai cháu là Phạm Thảo Nguyên, sinh ngày 21/5/2012 và Phạm Bảo Nguyên, sinh ngày 21/5/2012 cho chị Thủy nuôi dưỡng. Anh Quang không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thủy. Sau khi ly hôn ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- □p dụng: Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị Thủy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 - Điều 238, Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 - Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 8 - Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lò Vy Bích Thủy đối với anh Phạm Đình Quang;

Xử: 1. Cho chị Lò Vy Bích Thủy được ly hôn anh Phạm Đình Quang.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Bảo Nguyên, sinh ngày 21/05/2012 và Phạm Thảo Nguyên, sinh ngày 21/05/2012 cho chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm Đình Quang không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thủy. Anh Quang có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Vy Bích Thủy phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Thủy đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000596 ngày 27/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm ./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh, huyện;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã Bản Nguyên;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đăng Trình